



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP HCM
KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

THUẾ

Giảng viên: ThS. Nguyễn Lê Hồng Vỹ

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

1



Chương 4

THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

2



Căn cứ pháp lý

- ✓ Luật số **13/2008/QH12** ngày 03/06/2008, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009.
- ✓ Nghị định số **123/2008/NĐ-CP** ngày 08/12/2008 của Chính phủ, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT.
- ✓ Thông tư số **129/2008/TT-BTC** của Bộ Tài chính ngày 26/12/2008 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

3



4.1 Khái niệm và mục đích:

4.1.1 Khái niệm: Là loại thuế gián thu, tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ khâu sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

❖ Ưu điểm của thuế GTGT:

- ✓ So với thuế doanh thu thì không trùng lặp
- ✓ Chỉ tính phần giá trị tăng thêm, không tính vào giá vốn
- ✓ Khuyến khích xuất khẩu hàng hóa
- ✓ Hạn chế thất thu thuế
- ✓ Hạn chế sai sót, gian lận trong việc ghi chép hóa đơn
- ✓ Góp phần giúp Việt Nam hội nhập với thế giới

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

4



4.1 Khái niệm và mục đích:

4.1.2 Mục đích

- ✓ Thu ngân sách Nhà nước.
- ✓ Thuế GTGT được tập trung thu ngay từ khâu đầu nên hạn chế được thất thu thuế.
- ✓ Là biện pháp kinh tế thúc đẩy thực hiện tốt chế độ hóa đơn, chứng từ.
- ✓ Góp phần hoàn thiện hệ thống thuế ở nước ta, phù hợp với sự vận động và phát triển của nền kinh tế thị trường.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

5



4.2 Đối tượng chịu thuế, nộp thuế GTGT

4.2.1 Đối tượng chịu thuế GTGT

- ✓ Là hàng hóa, dịch vụ dùng cho SXKD và tiêu dùng ở Việt Nam bao gồm cả HHDV mua ở nước ngoài trừ các đối tượng không thuộc diện chịu thuế GTGT.

4.2.2 Đối tượng nộp thuế GTGT

- ✓ Là các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam hoặc nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ từ nước ngoài.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

6



4.2 Đối tượng chịu thuế, nộp thuế GTGT

4.2.3 Đối tượng không thuộc diện chịu thuế GTGT

1. Sản phẩm trồng trọt, chưa qua sơ chế thông thường.
2. Sản phẩm giống vật nuôi và cây trồng.
3. Tươi tiêu, cà phê bừa.... phục vụ nông nghiệp.
4. Sản phẩm muối được sản xuất từ nước biển, muối mỏ tự nhiên, muối tinh, muối i-ốt.
5. Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê.
6. Chuyển quyền sử dụng đất.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

7



4.2.3 Đối tượng không thuộc diện chịu thuế GTGT

7. Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm người học, bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm cây trồng và tái bảo hiểm.
8. Dịch vụ tài chính bao gồm:
 - ✓ *Cấp tín dụng (cho vay, bảo lãnh, thuê tài chính...)*
 - ✓ *Hoạt động kinh doanh chứng khoán;*
 - ✓ *Chuyển nhượng vốn và các dịch vụ tài chính phái sinh.*
9. Dịch vụ y tế, khám chữa bệnh; dịch vụ thú y.
10. Dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích.
11. Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

8



4.2.3 Đối tượng không thuộc diện chịu thuế GTGT

12. Duy tu, sửa chữa, XD bằng nguồn vốn nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình VH, nghệ thuật, phục vụ công cộng, CSHT và nhà ở cho đối tượng CSXH.
13. Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật.
14. Phát sóng truyền thanh, truyền hình bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
15. Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình... bằng chữ dân tộc thiểu số và in tiền.
16. Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe điện

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

9



4.2.3 Đối tượng không thuộc diện chịu thuế GTGT

17. Máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, vật tư mà trong nước chưa SX được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; tìm kiếm, thăm dò...
18. Vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ ANQP.
19. Hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại;
20. Hàng hóa chuyển khẩu, quá cảnh; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu hoặc ngược lại; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

10



4.2.3 Đối tượng không thuộc diện chịu thuế GTGT

21. Chuyển giao công nghệ theo Luật; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo Luật; phần mềm máy tính.
22. Vàng nhập khẩu dạng thỏi, miếng chưa được chế tác.
23. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến.
24. Sản phẩm nhân tạo dùng để thay thế cho bộ phận cơ thể của người bệnh, nạng, xe lăn và dụng cụ chuyên dùng khác cho người tàn tật.
25. HHDV của cá nhân kinh doanh có mức thu nhập bình quân tháng thấp hơn mức lương tối thiểu chung.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

11



4.2.3 Đối tượng không thuộc diện chịu thuế GTGT

26. Các hàng hóa và dịch vụ như:
 - ✓ Hàng hóa bán miễn thuế ở các cửa hàng miễn thuế;
 - ✓ Hàng dự trữ quốc gia do cơ quan dự trữ quốc gia bán ra
 - ✓ Các hoạt động có thu phí, lệ phí của Nhà nước;
 - ✓ Rà phá bom mìn, vật nổ bằng nguồn vốn NSNN do các đơn vị quốc phòng thực hiện.

❖ Lưu ý: Đối với những hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện nộp thuế GTGT thì sẽ không được hoàn lại số thuế GTGT đầu vào.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

12



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

4.3.1 Căn cứ tính thuế:

✓ Là giá tính thuế và thuế suất.

4.3.2 Thuế suất: 0%; 5% và 10%

(a) Thuế suất 0%: áp dụng đối với **HHDV xuất khẩu**, hoạt động XD, lắp đặt công trình của DN chế xuất, hàng bán cho cửa hàng miễn thuế, vận tải quốc tế và **HHDV không chịu thuế GTGT khi XK**.

Điều kiện: HHDV áp thuế suất 0% khi có HĐ xuất khẩu, có chứng từ thanh toán XK và có tờ khai hải quan XK.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

13



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

4.3.2 Thuế suất: 0%; 5% và 10%

(b) Thuế suất 5%: áp dụng cho các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cho đời sống xã hội trong các lĩnh vực như nông nghiệp, y tế, giáo dục, khoa học kỹ thuật. Bao gồm:

- ✓ Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt.
- ✓ Các loại sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thực phẩm tươi sống mới qua sơ chế, chưa qua chế biến.
- ✓ Đào đắp, nạo vét mương phục vụ nông nghiệp
- ✓ Phân bón, thuốc phòng trừ sâu bệnh, vật tư nông nghiệp...
- ✓ Đường, phụ phẩm trong SX đường; lưới, dây đánh cá...

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

14



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

4.3.2 Thuế suất: 0%; 5% và 10%

(b) Thuế suất 5% (tt):

- ✓ Sản phẩm thủ công mỹ nghệ bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp như song, mây, tre, nứa...
- ✓ Máy móc, thiết bị và dụng cụ chuyên dùng cho y tế, thuốc chữa bệnh, phòng bệnh; đồ chơi cho trẻ em.
- ✓ Sách, giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập;
- ✓ Hoạt động văn hóa, nghệ thuật, triển lãm, thể thao; SX, nhập khẩu và phát hành phim; dịch vụ KHCN phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ...

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

15



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

4.3.2 Thuế suất: 0%; 5% và 10%

(c) Thuế suất 10%:

- ✓ Áp dụng cho tất cả HHDV thông thường khác, không nằm trong diện chịu các mức thuế suất 0% và 5% ở trên.

4.3.3 Giá tính thuế: Là giá chưa có thuế GTGT.

(1) HHDV SX trong nước: Là giá bán chưa có thuế GTGT và đã có thuế TTĐB (nếu có).

(2) HHDV nhập khẩu: Là giá tính thuế nhập khẩu + Thuế NK + Thuế TTĐB (nếu có)

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

16



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

4.3.3 Giá tính thuế (tt):

- (3) HHDV trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng cho, trả thay lương cho người lao động: **Là giá tính thuế GTGT của HHDV cùng loại hoặc tương đương.**
- (4) Đối với hoạt động cho thuê tài sản: **Là số tiền cho thuê chưa có thuế GTGT.**
- (5) Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp: **Là giá tính theo giá bán trả một lần chưa có thuế GTGT của hàng hóa đó, không bao gồm khoản lãi trả góp, trả chậm.**
- (6) Đối với gia công: **Là giá gia công chưa có thuế GTGT.**

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

17



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

4.3.3 Giá tính thuế (tt):

- (7) Đối với xây dựng, lắp đặt: **Là giá trị công trình**, hạng mục công trình hay phần công việc thực hiện bàn giao chưa có thuế GTGT.
- (8) Đối với hoạt động kinh doanh BĐS: **Là giá chuyển nhượng BĐS trừ (-) giá đất** (hoặc giá thuê đất) thực tế tại thời điểm chuyển nhượng.
- (9) Đối với hoạt động đại lý, môi giới, ủy thác XNK hưởng tiền công hoặc tiền hoa hồng: **Là tiền công, tiền hoa hồng chưa có thuế GTGT.**

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

18



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

4.3.3 Giá tính thuế (tt):

(10) Đối với HHDV sử dụng chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán giá đã có thuế GTGT như tem, vé cước vận tải, vé xổ số kiến thiết: **Giá tính thuế là giá chưa thuế GTGT.**

Giá chưa có thuế GTGT	=	Giá thanh toán tiền bán vé, tem
		1 + Thuế suất thuế GTGT

- **Ví dụ 4.1:** Giá vé số là 10.000 đồng, thuế suất GTGT 10%
- Giá vé chưa thuế là: $10.000đ / (1 + 10\%) = 9.091đ$
- Thuế GTGT là: $9.091đ \times 10\% = 909đ$

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

19



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

4.3.3 Giá tính thuế (tt):

(11) Đối với dịch vụ casino, trò chơi điện tử có thưởng: Là số tiền thu từ hoạt động này đã bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt trừ số tiền đã trả thưởng cho khách.

Giá tính thuế GTGT	=	Số tiền thu được – Số thưởng cho khách
		1 + Thuế suất thuế GTGT

- **Ví dụ 4.2:** Cơ sở Casino thu được 50 trđ nhưng đã trả thưởng cho khách 17 trđ, cho biết thuế suất GTGT 10%.
- Giá tính thuế GTGT: $(50 - 17) / (1 + 10\%) = 30$ trđ

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

20



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

4.3.3 Giá tính thuế (tt):

- (12) Đối với điện thuộc EVN: Giá tính thuế được tính = 60% giá bán điện thương phẩm chưa có thuế GTGT.
- (13) Đối với vận tải, bốc xếp: Là giá cước vận tải, bốc xếp chưa có thuế GTGT.
- (14) Đối với dịch vụ du lịch theo hình thức HD trọn gói: giá trọn gói được xác định là giá đã có thuế GTGT.
- (15) Đối với dịch vụ cầm đồ: Tiền thu từ dịch vụ cầm đồ gồm tiền lãi và khoản thu khác phát sinh từ việc bán hàng cầm đồ (nếu có) được xác định là giá đã có thuế GTGT.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

21



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

4.3.3 Giá tính thuế (tt):

- (16) Đối với sách chịu thuế GTGT bán theo đúng giá phát hành (giá bìa) thì giá bán đó là giá đã có thuế GTGT. Nếu không theo giá bìa thì thuế GTGT tính trên giá bán ra.
- (17) Đối với hoạt động in: Giá tính thuế là tiền công in
- (18) Đối với dịch vụ đại lý giám định, bồi thường: Là tiền công hoặc tiền hoa hồng được hưởng.

**Giá tính thuế được xác định bằng đồng Việt Nam.
Nếu bằng ngoại tệ thì được quy đổi thành VNĐ.**

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

22



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

4.3.4 Thời điểm xác định thuế GTGT:

- ✓ Đối với việc bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng HH cho người mua.
 - ✓ Đối với cung ứng DV là thời điểm hoàn thành việc cung ứng DV hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng DV.
 - ✓ Đối với hoạt động cung cấp điện, nước sạch là ngày ghi chỉ số điện, nước trên đồng hồ để ghi hóa đơn tính tiền.
 - ✓ Đối với xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, lắp đặt hoàn thành.
- Các HH này không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

23



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

4.3.4 Thời điểm xác định thuế GTGT:

- ✓ Đối với hoạt động kinh doanh BĐS, xây dựng CSHT, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê là thời điểm thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng.
- Căn cứ số tiền thu được, cơ sở kinh doanh thực hiện khai thuế GTGT đầu ra.
- ✓ Đối với hàng hóa nhập khẩu, là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

24



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

4.3.5 Hai phương pháp tính thuế GTGT:

- Phương pháp khấu trừ thuế (đầu ra – đầu vào)
- Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.

A. Phương pháp khấu trừ thuế:

Áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

Số thuế GTGT phải nộp	=	Thuế GTGT đầu ra	-	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
----------------------------------	----------	-----------------------------	----------	--

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

25



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Thuế GTGT đầu ra được xác định:

Thuế GTGT đầu ra	=	Giá tính thuế HHDV bán ra	x	Thuế suất
-----------------------------	----------	--------------------------------------	----------	------------------

Trường hợp hóa đơn chỉ ghi giá thanh toán, không ghi rõ là giá chưa có hay có thuế GTGT thì thuế GTGT của HHDV bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hóa đơn.

▪ **Ví dụ 4.3:** Giá HHDV là 10 trđ, thuế GTGT 10% là 1 trđ, nhưng khi bán lại ghi giá bán 11 trđ.

➤ Vậy số thuế GTGT phải nộp là: 11 trđ x 10% = 1,1 trđ

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

26



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

= Tổng số thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT mua HHDV

✓HHDV sử dụng cho SXKD ra HHDV chịu thuế GTGT thì được khấu trừ toàn bộ (*không khấu trừ cho HHDV sử dụng cho SXKD HHDV không chịu thuế GTGT*).

✓Thuế GTGT đầu vào của **TSCĐ** sử dụng đồng thời cho SXKD HHDV chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì được khấu trừ toàn bộ (trừ các TSCĐ phục vụ ANQP, trụ sở văn phòng, thiết bị phục vụ hoạt động tín dụng, chứng khoán, tái bảo hiểm... bệnh viện, trường học thì không được khấu trừ).

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

27



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

✓Cơ sở SX nông lâm ngư nghiệp được khấu trừ thuế GTGT đầu vào phục vụ cho việc đầu tư xây dựng, SX và chế biến.

✓Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa quảng cáo, khuyến mãi phục vụ hoạt động SXKD thì được khấu trừ.

✓HHDV mua vào để SXKD ra HHDV cung cấp cho các tổ chức để viện trợ nhân đạo; HHDV sử dụng cho hoạt động tìm kiếm, thăm dò mỏ dầu khí thì được khấu trừ toàn bộ

✓HHDV, TSCĐ mua vào bị tổn thất do thiên tai, tai nạn bất ngờ thì không được khấu trừ thuế GTGT.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

28



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

✓ Văn phòng tổng công ty, tập đoàn không trực tiếp hoạt động SXKD và các đơn vị sự nghiệp không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT thì không được khấu thuế GTGT đầu vào. Nếu các đơn vị này có hoạt động SXKD HHDV chịu thuế thì phải đăng ký kê khai nộp thuế GTGT riêng cho các hoạt động này.

▪ Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào thì được kê khai, khấu trừ trong tháng đó, **không phân biệt đã xuất dùng hay còn để trong kho**. Trường hợp bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung tối đa trong thời hạn **06 tháng**.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

29



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Điều kiện để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào:

✓ Có hóa đơn GTGT của HHDV mua vào hoặc chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu hợp pháp;

✓ Trường hợp HHDV mua vào từng lần có tổng giá trị trên 20 trđ thì phải có chứng từ thanh toán qua NH;

✓ HHDV mua trả góp có giá trị trên 20 trđ thì căn cứ HĐ, hóa đơn chứng từ thanh toán qua NH để kê khai khấu trừ thuế.

✓ Trường hợp khấu trừ đối với hàng xuất khẩu thì phải có thêm hợp đồng ngoại thương, chứng từ thanh toán qua NH và tờ khai hải quan (trừ một số trường hợp cụ thể).

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

30



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Điều kiện, thủ tục khấu trừ thuế GTGT đối với một số trường hợp hàng hóa được coi như xuất khẩu:

(1) Hàng hóa gia công chuyên tiếp theo quy định của pháp luật thương mại về mua bán quốc tế:

- ✓ Hợp đồng gia công XK và các phụ kiện hợp đồng;
- ✓ Hóa đơn GTGT ghi rõ giá gia công và số lượng hàng gia công trả nước ngoài và tên cơ sở nhận hàng gia công;
- ✓ Phiếu chuyển giao sản phẩm gia công chuyên tiếp;
- ✓ Hàng hóa gia công cho nước ngoài phải thanh toán qua NH

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

31



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Điều kiện, thủ tục khấu trừ thuế GTGT đối với một số trường hợp hàng hóa được coi như xuất khẩu:

(2) Hàng hóa gia công xuất khẩu tại chỗ:

- ✓ Hợp đồng bán hàng hóa ký với nước ngoài;
- ✓ Tờ khai hải quan hàng hóa XNK tại chỗ có xác nhận của hải quan về hàng hóa đã giao cho cơ sở tại Việt Nam;
- ✓ Hàng hóa bán cho thương nhân nước ngoài;
- ✓ Hóa đơn GTGT của hàng hóa xuất khẩu tại chỗ;
- ✓ Hàng hóa xuất khẩu tại chỗ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phù hợp với quy định;

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

32



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Điều kiện, thủ tục khấu trừ thuế GTGT đối với một số trường hợp hàng hóa được coi như xuất khẩu:

(3) Hàng hóa, vật tư do doanh nghiệp VN xuất khẩu để thực hiện công trình xây dựng ở nước ngoài:

- ✓ Tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu;
- ✓ Hàng hóa, vật tư XK phải phù hợp với danh mục hàng hóa XK để thực hiện công trình xây dựng ở nước ngoài;
- ✓ Hợp đồng ủy thác XK (nếu có)

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

33



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Điều kiện, thủ tục khấu trừ thuế GTGT đối với một số trường hợp hàng hóa được coi như xuất khẩu:

(4) Hàng hóa, vật tư do cơ sở kinh doanh trong nước bán cho doanh nghiệp VN để thực hiện công trình XD ở nước ngoài:

- ✓ Tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu;
- ✓ Hàng hóa, vật tư xuất khẩu phù hợp danh mục;
- ✓ Hợp đồng mua bán giữa 2 bên;
- ✓ Hợp đồng ủy thác (nếu có);
- ✓ Chứng từ thanh toán qua ngân hàng;
- ✓ Hóa đơn GTGT bán hàng hóa

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

34



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Căn cứ để xác định số thuế đầu vào được khấu trừ:

- ✓ Là số thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT mua HHDV;
- ✓ Số thuế GTGT ghi trên chứng từ nộp thuế của hàng NK
- ✓ Chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

▪ Trừ các trường hợp không được khấu trừ: Hóa đơn GTGT sử dụng không đúng quy định của pháp luật: hóa đơn GTGT không ghi thuế GTGT; không ghi hoặc ghi không đúng tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán; hóa đơn ghi không đúng, chứng từ giả; hóa đơn bị tẩy xóa, hóa đơn không...

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

35



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Điều kiện, thủ tục khấu trừ thuế GTGT:

- ✓ Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế khi bán HHDV chịu thuế GTGT phải sử dụng hóa đơn GTGT, kể cả trường hợp bán HHDV chịu thuế TTĐB.
- ✓ Khi lập hóa đơn, cơ sở KD phải ghi đầy đủ, đúng các yếu tố quy định trên hóa đơn (giá bán chưa thuế GTGT, phụ thu và phí tính ngoài giá bán, thuế GTGT, tổng giá thanh toán).
- ✓ Hóa đơn, chứng từ hợp pháp là hóa đơn do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) phát hành hoặc hóa đơn do cơ sở KD tự in để sử dụng theo mẫu và được cơ quan Thuế chấp nhận hoặc hóa đơn, chứng từ đặc thù khác được phép sử dụng.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

36



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

4.3.5 Hai phương pháp tính thuế GTGT:

- Phương pháp khấu trừ thuế (đầu ra – đầu vào)
- Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.

B. Phương pháp tính trực tiếp thuế GTGT:

Áp dụng đối với cơ sở kinh doanh vàng bạc, đá quý, ngoại tệ và những cơ sở không thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

Số thuế GTGT phải nộp	=	Giá trị gia tăng chịu thuế của HHDV	X	Thuế suất
------------------------------	---	--	---	------------------

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

37



B. Phương pháp tính trực tiếp thuế GTGT (tt)

Bao gồm cả phần thuế của nó	Bao gồm thuế đầu ra	Bao gồm thuế đầu vào		
↑	↑	↑		
Giá trị gia tăng của HHDV	=	Giá thanh toán của HHDV bán ra	-	Giá vốn mua vào của HHDV tương ứng

✓ Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra là giá thực tế bán ghi trên hóa đơn bán HHDV, **bao gồm cả thuế GTGT**.

✓ Giá vốn mua vào của HHDV được xác định bằng giá trị mua vào của nó hoặc giá trị nhập khẩu, **bao gồm cả thuế GTGT**.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

38



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

B. Phương pháp tính trực tiếp thuế GTGT (tt):

➤ Như vậy GTGT làm căn cứ tính thuế trong trường hợp này là giá đã bao gồm cả thuế GTGT của chính nó.

▪ **VD 4.4:** Cơ sở KD tính thuế GTGT theo pp trực tiếp trong kỳ có các số liệu sau: Mua HHDV với giá mua chưa thuế GTGT là 60 trđ, bán ra với tổng doanh số 75 trđ. Xác định số thuế GTGT phải nộp trong kỳ của cơ sở biết thuế suất 10%.

➤ GTGT làm căn cứ tính thuế: $75 \text{ trđ} - 60 * (1 + 10\%) = 9 \text{ trđ}$

➤ Thuế GTGT: $9 \text{ trđ} * 10\% = 0,9 \text{ trđ}$.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

39



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

B. Phương pháp tính trực tiếp thuế GTGT (tt):

▪ **Ví dụ 4.5:** Một cơ sở SX trong tháng bán được 250 sp, giá bán 1,4 trđ/1sp. Giá trị vật tư, nguyên liệu mua ngoài để SX 250 sp trên là 200 trđ. Thuế suất thuế GTGT là 10%.

➤ Thuế GTGT cơ sở A phải nộp được tính như sau:

✓ Doanh số bán ra: $250 \times 1,4 \text{ trđ} = 350 \text{ trđ}$

✓ Giá trị gia tăng của sản phẩm bán ra:

$350 \text{ triệu đồng} - 200 \text{ triệu đồng} = 150 \text{ triệu đồng}$.

✓ Thuế GTGT phải nộp:

$150 \text{ triệu đồng} \times 10\% = 15 \text{ triệu đồng}$

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

40



4.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

B. Phương pháp tính trực tiếp thuế GTGT (tt):

Trường hợp cơ sở kinh doanh không hạch toán được doanh số vật tư, hàng hóa mua vào tương ứng với doanh số hàng bán ra thì xác định như sau:

Giá vốn hàng bán ra	=	Doanh số tồn đầu kỳ	+	Doanh số mua trong kỳ	-	Doanh số tồn cuối kỳ
------------------------------------	----------	------------------------------------	----------	--------------------------------------	----------	-------------------------------------

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

41



4.4 Kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

4.4.1 Đăng ký nộp thuế:

- ✓ Cơ sở kinh doanh phải đăng ký nộp thuế với Cục thuế (tổ chức) hoặc Chi cục thuế (nếu là cá nhân kinh doanh).
- ✓ Đối với cơ sở mới thành lập: chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- ✓ Các cơ sở KD đã đăng ký nộp thuế nếu có thay đổi ngành nghề, chuyển trụ sở, sáp nhập, giải thể, phá sản...: chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày có sự thay đổi đó.
- ✓ Cơ sở hoạt động ở địa phương nhưng có cơ sở SXKD ở nơi khác thì cũng phải đăng ký thuế với cơ quan thuế nơi đó.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

42



4.4 kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

4.4.2 kê khai thuế:

❖ Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ:

- ✓ Thuế GTGT là loại thuế khai theo tháng kèm theo bảng kê khai HHDV mua vào, bán ra theo mẫu quy định.
- ✓ Thời gian nộp tờ khai chậm nhất là ngày 20 tháng sau, nếu không phát sinh thì cũng vẫn phải kê khai.
- ✓ Đại lý bán vé số hưởng hoa hồng không phải kê khai, nộp thuế GTGT vì đã kê khai nộp thuế tập trung tại công ty.
- ✓ Khai thuế GTGT theo từng lần phát sinh đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh không thường xuyên.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

43



4.4 kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

4.4.2 kê khai thuế:

❖ Hồ sơ kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

- ✓ Tờ khai thuế GTGT theo mẫu: 01/ GTGT;
- ✓ Bảng kê hóa đơn bán ra 01-1/GTGT; mua vào 01-2/GTGT;
- ✓ Bảng giải trình khai bổ sung, điều chỉnh: **01-3/GTGT**
- ✓ Bảng phân bổ số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ trong tháng: **01-4A/GTGT**
- ✓ Bảng kê khai điều chỉnh thuế GTGT đầu vào phân bổ được khấu trừ năm: **01-4B/GTGT**
- ✓ Bảng kê GTGT bán hàng vắng lai ngoại tỉnh: **01-5/GTGT**

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

44



4.4 kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

4.4.2 kê khai thuế- Các trường hợp khác:

- ✓ Tờ khai thuế GTGT dành cho dự án đầu tư: **02/GTGT**.
- ✓ Tờ khai thuế GTGT tháng tính theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng: **03/GTGT**.
- ✓ Tờ khai thuế giá trị gia tăng tháng tính theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu: **05/GTGT**.
- ✓ Kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh khai thuế GTGT tạm tính theo tỷ lệ 2% (đối với HHDV chịu thuế suất 10%) hoặc theo tỷ lệ 1% (cho HHDV chịu thuế suất 5%) trên doanh thu theo Tờ khai **06/GTGT**.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

45



4.4 kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

4.4.2 kê khai thuế trong một số trường hợp cụ thể:

- ✓ Trường hợp cơ sở KD vừa có HHDV chịu thuế và HHDV không chịu thuế GTGT nhưng không hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào, thì thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tính theo **tỷ lệ (%) giữa doanh số bán ra của HHDV chịu thuế GTGT và tổng doanh số bán ra của HHDV trong kỳ**.
- ✓ HH nhập khẩu thì kê khai và nộp tờ khai thuế GTGT theo từng lần NK cùng với kê khai thuế NK với cơ quan hải quan
- ✓ Nhiều mặt hàng với thuế suất khác nhau thì kê khai riêng, nếu không thì phải tính và nộp theo mức thuế suất cao nhất.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

46



4.4 kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

▪ **Ví dụ 4.6:** Cơ sở SXKD mặt hàng A (chịu thuế VAT) và B (không chịu thuế VAT).

+ Thuế VAT đầu vào của NVL SX ra A và B là 50 trđ;

+ Cơ sở KD không hạch toán riêng NVL SX cho sp A, B.

+ Doanh thu trong kỳ tính thuế của A là 600 trđ, B là 900 triệu đồng. Tính thuế VAT phải nộp trong kỳ, biết thuế suất mặt hàng A là 10%.

➤ Số thuế GTGT được khấu trừ là:

$$600/(600 + 900) \times 50 \text{ trđ} = \mathbf{20 \text{ triệu đồng}}$$

Thuế GTGT phải nộp = $600 \times 10\% - 20 \text{ trđ} = \mathbf{40 \text{ triệu đồng}}$

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

47



4.4 kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

▪ **Ví dụ 4.7:** Cơ sở SXKD mặt hàng A (chịu thuế VAT với thuế suất là 10%) và B (không chịu thuế VAT).

+ Thuế VAT đầu vào của NVL SX ra A và B là 50 trđ;

+ Cơ sở hạch toán riêng chi phí NVL để SX ra sp A là 45%, NVL để SX ra sp B là 55%;

+ Doanh thu trong kỳ tính thuế của A là 600 trđ, B là 900 triệu đồng. Tính thuế VAT phải nộp trong kỳ.

➤ Số thuế GTGT được khấu trừ là:

$$45\% \times 50 \text{ trđ} = \mathbf{22,5 \text{ triệu đồng}}$$

Thuế GTGT phải nộp = $600 \times 10\% - 22,5 \text{ trđ} = \mathbf{37,5 \text{ trđ}}$

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

48



4.4 kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

▪ **Ví dụ 4.8:** Doanh nghiệp X sản xuất sp A (chịu thuế VAT). Trong kỳ tính thuế có các số liệu sau:

+ Nhập kho 10 tấn nguyên liệu chỉ để SX ra sp A, thuế VAT đầu vào của số NVL này là 120 trđ;

+ Xuất kho 7 tấn nguyên liệu để SX ra sp A.

+ Doanh thu trong kỳ tính thuế của A là 2.000 triệu đồng. Tính thuế VAT phải nộp trong kỳ, biết thuế suất A là 10%.

➤ Số thuế GTGT được khấu trừ là: **120 triệu đồng**

Thuế GTGT phải nộp trong kỳ tính thuế là:

$$= 2.000 \times 10\% - 120 \text{ trđ} = \mathbf{80 \text{ triệu đồng}}$$



4.4 kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

4.4.3 Nộp thuế:

✓ Trường hợp người nộp thuế tính thuế thì thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế (ngày 20 tháng sau).

✓ Trường hợp cơ quan thuế tính thuế thì thời hạn nộp thuế là thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế.

✓ Người nhập khẩu hàng hóa phải nộp thuế GTGT theo từng lần nhập khẩu theo thời hạn thông báo của cơ quan thuế.

✓ Nộp thuế bằng VNĐ, nếu nộp bằng ngoại tệ thì đó phải là ngoại tệ tự do chuyển đổi và được quy đổi sang VNĐ.



4.4 kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

4.4.3 Nộp thuế:

▪ Địa điểm nộp thuế:

- ✓ Tại Kho bạc Nhà nước;
- ✓ Cơ quan thuế nơi tiếp nhận hồ sơ khai thuế;
- ✓ Thông qua tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu thuế;
- ✓ Thông qua ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác và tổ chức dịch vụ theo quy định của pháp luật.

▪ Có thể nộp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

51



4.4 kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

4.4.3 Nộp thuế:

▪ Trường hợp thực hiện biện pháp cưỡng chế thuế:

- ✓ Thực hiện bằng hình thức trích chuyển tài khoản hoặc hình thức kê biên tài sản, bán tài sản của người bị cưỡng chế để thu đủ tiền thuế, tiền phạt nộp NSNN;
- ✓ Trong thời hạn tám giờ làm việc kể từ khi đã nhận tiền thuế của người nộp thuế, cơ quan, tổ chức nhận tiền thuế phải chuyển tiền vào NSNN. Trường hợp thu thuế bằng tiền mặt tại vùng sâu, vùng xa có điều kiện đi lại khó khăn thì thời hạn chậm nhất cũng không quá 5 ngày.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

52



4.4 kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

4.4.4 Hoàn thuế:

❖ Chỉ hoàn thuế đối với cơ sở nộp thuế theo phương pháp khấu trừ và thuộc các đối tượng sau:

- (1) Cơ sở kinh doanh trong 3 tháng liên tục trở lên có số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết;
- (2) Cơ sở KD mới thành lập, đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động, chưa phát sinh thuế đầu ra, nếu thời gian đầu tư từ 01 năm trở lên thì được xét hoàn thuế đầu vào theo từng năm. Nếu số thuế GTGT đầu vào của tài sản đầu tư được hoàn có giá trị ≥ 200 trđ thì được xét hoàn thuế.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

53



4.4 kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

4.4.4 Hoàn thuế (tt):

- (3) Cơ sở KD đang hoạt động có dự án đang đầu tư thì phải kê khai bù trừ số thuế GTGT đầu vào cho dự án cùng với việc kê khai hoạt động SXKD đang thực hiện. Sau khi bù trừ, nếu số thuế GTGT đầu vào của HHDV sử dụng cho đầu tư chưa được khấu trừ ≥ 200 trđ thì được xét hoàn thuế;
- (4) Cơ sở KD trong tháng có hàng XK nếu có thuế GTGT đầu vào tương ứng với hàng XK ≥ 200 trđ; hoặc sau khi bù trừ với thuế GTGT đầu ra của hàng bán trong nước mà giá trị khấu trừ ≥ 200 trđ thì được xét hoàn thuế theo tháng.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

54



4.4 kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

4.4.4 Hoàn thuế (tt):

(5) Cơ sở kinh doanh quyết toán thuế khi sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu; giao, bán, khoán,.. có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết hoặc có số thuế GTGT nộp thừa;

(6) Hoàn thuế GTGT đối với các dự án, chương trình sử dụng vốn ODA, viện trợ nhân đạo.

Tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hóa tại Việt Nam để viện trợ thì được hoàn thuế.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

55



4.4 kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

4.4.4 Hoàn thuế (tt):

(7) Đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định mua HHDV tại Việt Nam để sử dụng được hoàn thuế GTGT đã trả ghi trên hóa đơn GTGT;

(8) Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

❖ Nếu cơ sở KD đã lập hồ sơ hoàn thuế thì không được kết chuyển số thuế đầu vào đã đề nghị hoàn thuế vào số thuế được khấu trừ của tháng sau.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

56



4.5. Ôn tập, tóm tắt chương 4

Thuế VAT ở Việt Nam

- Cơ sở thuế
 - Bao trùm mọi hoạt động sản xuất kinh doanh (CN chế biến, xây dựng, thương mại, ăn uống, dịch vụ, xuất nhập khẩu)
- Thuế suất: 3 nhóm
 - 0%: Hàng hoá xuất khẩu
 - 5%: Hàng hoá, dịch vụ thiết yếu như nước sạch, phân bón, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, sách và đồ chơi trẻ em, thuốc men và trang thiết bị y tế, một số thực phẩm tươi sống
 - 10% áp dụng cho tất cả các hàng hoá và dịch vụ còn lại

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

57



4.5. Ôn tập, tóm tắt chương 4 (tt)

Thuế VAT ở Việt Nam

- Cách tính thuế:
 - Phương pháp trực tiếp: Cơ sở kinh doanh và tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nhưng có thu nhập phát sinh tại Việt Nam chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ và các đơn vị kinh doanh vàng bạc, đá quý
 - Phương pháp khấu trừ: cho các đối tượng còn lại
- Giá tính thuế
 - Đối với hàng hoá và dịch vụ: Giá tính thuế là giá bán hoặc phí chưa có VAT
 - Đối với hàng hoá nhập khẩu: giá tính thuế là giá CIF cộng với thuế nhập khẩu

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

58



4.5. Ôn tập, tóm tắt chương 4 (tt)

Miễn thuế và thuế suất bằng 0%

- Một đơn vị được miễn thuế VAT sẽ không nộp thuế trên doanh số bán nhưng không được hoàn thuế
- Một đơn vị chịu thuế suất VAT bằng 0 sẽ không nộp thuế trên doanh số bán, đồng thời được hoàn thuế
- Khi một đơn vị trung gian được miễn thuế sẽ làm gián đoạn dây chuyền hoàn thuế và làm cho toàn bộ số thuế phải nộp tăng lên
- Nhưng khi một đơn vị trung gian có thuế suất VAT bằng 0 sẽ không làm gián đoạn dây chuyền hoàn thuế, và vì vậy, tổng số thuế phải nộp không đổi

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

59



4.5. Ôn tập, tóm tắt chương 4 (tt)

Miễn thuế và thuế suất bằng 0%

- Khi thuế suất VAT bằng 0% ở một khâu nào đó thì tất cả các khoản VAT ở những khâu trước đó bị loại trừ
- Áp thuế suất VAT 0% tại khâu cuối cùng sẽ triệt tiêu hoàn toàn nguồn thu thuế (thông qua cơ chế hoàn thuế)
- Khi sử dụng nhiều mức thuế suất, số thu thuế thực sự phụ thuộc vào thuế suất đánh ở khâu cuối cùng.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

60



4.5. Ôn tập, tóm tắt chương 4 (tt)

Phương pháp khấu trừ thuế:
Thuế suất đồng nhất 10%

	Sản xuất	Bán sỉ	Bán lẻ	VAT
	10%	10%	10%	
Giá bán (- VAT)	100	200	300	
VAT trên giá bán	10	20	30	
Giá mua (+ VAT)	0	110	220	
Hoàn thuế đầu vào	0	10	20	
VAT phải nộp	10	10	10	30

Giá bán hàng hóa = 330

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

61



4.5. Ôn tập, tóm tắt chương 4 (tt)

Phương pháp khấu trừ thuế:
Đơn vị bán sỉ với thuế suất bằng 0%

	Sản xuất	Bán sỉ	Bán lẻ	VAT
	10%	0%	10%	
Giá bán (-VAT)	100	200	300	
VAT trên giá bán	10	0	30	
Giá mua (+VAT)	0	110	200	
Hoàn thuế đầu vào	0	10	0	
VAT phải nộp	10	-10	30	30

Giá bán hàng hóa = 330

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

62



4.5. Ôn tập, tóm tắt chương 4 (tt)

Phương pháp khấu trừ thuế:
Đơn vị bán lẻ với thuế suất bằng 0%

	Sản xuất 10%	Bán sỉ 10%	Bán lẻ 0%	VAT
Giá bán (-VAT)	100	200	300	
VAT trên giá bán	10	20	0	
Giá mua (+VAT)	0	110	220	
Hoàn thuế đầu vào	0	10	20	
VAT phải nộp	10	10	-20	0

Giá bán hàng hóa = 300

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

63



4.5. Ôn tập, tóm tắt chương 4 (tt)

Phương pháp khấu trừ thuế:
Thuế suất 10% và đơn vị bán lẻ được miễn thuế

	Sản xuất 10%	Bán sỉ 10%	Bán lẻ Miễn	VAT
Giá bán (-VAT)	100	200	300	
VAT trên giá bán	10	20	0	
Giá mua (+VAT)	0	110	220	
Hoàn thuế đầu vào	0	10	0	
VAT phải nộp	10	10	0	20

Giá bán hàng hóa = 300

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

64



4.5. Ôn tập, tóm tắt chương 4 (tt)

Phương pháp khấu trừ thuế:

Thuế suất 10% và đơn vị sản xuất được miễn thuế

	Sản xuất Miễn	Bán sỉ 10%	Bán lẻ 10%	VAT
Giá bán (-VAT)	100	200	300	
VAT trên giá bán	0	20	30	
Giá mua (+VAT)	0	100	220	
Hoàn thuế đầu vào	0	0	20	
VAT phải nộp	0	20	10	30

Giá bán hàng hóa = 330

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

65



4.5. Ôn tập, tóm tắt chương 4 (tt)

Phương pháp khấu trừ thuế:

Thuế suất 10% và đơn vị bán sỉ được miễn thuế

	Sản xuất 10%	Bán sỉ Miễn	Bán lẻ 10%	VAT
Giá bán (-VAT)	100	200	300	
VAT trên giá bán	10	0	30	
Giá mua (+VAT)	0	110	200	
Hoàn thuế đầu vào	0	0	0	
VAT phải nộp	10	0	30	40

Giá bán hàng hóa = 330

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

66